



MKTTn BROTH (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo QUY ĐỊNH (EC) số 1907/2006 (REACH) – Phụ lục II

Ngày phát hành: 01/06/2015

Ngày sửa đổi:

Phiên bản: 1.0

PHẦN 1 : Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

1.1. Định dạng sản phẩm

Mẫu sản phẩm : Dạng tổng hợp
Tên sản phẩm : MKTTn BROTH (BASE)
Mã sản phẩm : BK208
Nhóm sản phẩm : Sản phẩm thương mại

1.2. Các cách sử dụng đã được xác định là phù hợp của chất hoặc hỗn hợp và các cách sử dụng được khuyến nghị nên tránh

1.2.1. Các cách sử dụng được xác nhận và khuyến cáo

Mục đích sử dụng chính : Sử dụng công nghiệp, sử dụng chuyên môn
Mục đích của chất/ hỗn hợp : Kiểm soát vi sinh

1.2.2. Các cách sử dụng được khuyến nghị nên tránh

Không có thông tin

1.3. Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

BIOKAR DIAGNOSTICS THUỘC TẬP ĐOÀN SOLABIA

Rue des Quarante Mines

60002 Beauvais Cedex - FRANCE

T 0033 3 44 14 33 33 - F 0033 3 44 14 33 34

info.fds@solabia.fr - www.biokar-diagnostics.fr

1.4. Điện thoại khẩn cấp

Không có thông tin

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008 [CLP]

Không phân loại

2.2. Yếu tố nhãn

Bảng dữ liệu an toàn được cấp khi có yêu cầu.

2.3. Các nguy cơ khác

Các tác động bất lợi về hóa lý, sức khỏe con người và môi trường : Gây kích ứng mắt. Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây kích ứng da. Có thể có hại nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường thở.

PHẦN 3: Thành phần, thông tin về các phụ liệu

3.1. Chất

Không áp dụng

3.2. Hỗn hợp

Tên	Định danh sản phẩm	%	Phân loại theo Quy định (EC) No. 1272/2008 [CLP]
Calcium carbonate	(CAS No) 471-34-1 (EC no) 207-439-9	43,2	Không phân loại
Bile salts	(CAS No) - (EC no) -	1 - 10	Độc cấp tính. 4 (Uống), H302 Kích ứng da. 2, H315 Kích ứng mắt 2, H319
Novobiocine	(CAS No) 1476-53-5 (EC no) 216-023-6	< 0,1	Kích ứng mắt 2, H319 Skin Sens. 1, H317
Brilliant green	(CAS No) 633-03-4 (EC no) 211-190-1	0,01	Độc cấp tính. 4 (Uống), H302 Kích ứng mắt 2, H319

Xem chi tiết ở bảng H, Phần 16

MKTTn BROTH (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo Quy định (EC) Số 1907/2006 (REACH)- Phụ lục II

PHẦN 4: Các biện pháp sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu	
Các biện pháp sơ cứu sau khi hít phải	: Nếu thở khó khăn, đưa nạn nhân tới nơi có không khí trong lành và giữ yên ở tư thế thoải mái Gọi cho Bác sĩ hoặc trung tâm y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.
Sơ cứu sau khi tiếp xúc với da	: Rửa thật kỹ với nhiều xà phòng và nước
Sơ cứu sau khi tiếp xúc với mắt	: Rửa sách bằng nhiều nước. Chăm sóc y tế nếu bị đau rát và đỏ mắt kéo dài
Các biện pháp sơ cứu sau khi nuốt phải	: Súc miệng, không gây ói mửa. Gọi điện cho Trung tâm y tế hoặc Bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
4.2. Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm	
Không có thông tin	
4.3. Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt	
Điều trị các triệu chứng.	

PHẦN 5: Biện pháp cứu hỏa

5.1. Phương tiện cứu hỏa	
Phương tiện cứu hỏa phù hợp	: Phun nước, bột kho, bột
5.2. Các mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp	
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp hỏa hoạn	: Khói độc hại có thể được phát sinh.
5.3. Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa	
Bảo vệ trong quá trình chữa cháy	: Chỉ hành động khi có các thiết bị bảo vệ phù hợp. Có thiết bị hô hấp khép kín. Quần áo bảo hộ hoàn chỉnh.

PHẦN 6: Các biện pháp giảm nhẹ tai nạn

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp	
6.1.1. Đối với các nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp	
Thiết bị bảo vệ	: Mặc đồ bảo hộ cá nhân. Để biết thêm chi tiết, tham khảo phần 8: " Kiểm soát phơi nhiễm/ bảo vệ cá nhân
Quy trình ứng phó khẩn cấp	: Cung cấp phương tiện thông khí đầy đủ. Đưa mọi người đến nơi an toàn
Các biện pháp trong trường hợp phát sinh khói	: Tránh làm gia tăng khói và hít phải khói
6.1.2. Đối với nhân viên ứng cứu khẩn cấp	
Thiết bị bảo hộ	: Không hành động khi không có các thiết bị bảo hộ phù hợp. Có thiết bị hô hấp khép kín. Quần áo bảo hộ hoàn chỉnh. Để biết thêm chi tiết, tham khảo phần 8: " Kiểm soát phơi nhiễm/ bảo vệ cá nhân
6.2. Đề phòng cho môi trường	
Không thải ra môi trường. Ngăn chặn đi vào hệ thống cống, tầng hầm và nơi làm việc, hoặc bất kỳ nơi nào có thể gây nguy hiểm.	
6.3. Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch	
Đề bao ngăn	: Thu gom
Phương pháp làm sạch	: Thu dọn vào thùng chứa thích hợp để xử lý.
Thông tin khác	: Vứt bỏ vật liệu hoặc chất thải rắn tại một địa điểm đã được quy định
6.4. Tham khảo các phần khác	
Không có thêm thông tin	

PHẦN 7: Xử lý và bảo quản

7.1. Thận trọng trong việc bảo quản	
Các lưu ý khi bảo quản	: Đảm bảo thông gió tốt ở nơi làm việc. Đừng hít bụi. Mặc đồ bảo hộ cá nhân. Để biết thêm thông tin, tham khảo thêm tại phần 8.
Biện pháp vệ sinh	: Luôn rửa tay sau khi sử dụng sản phẩm.
7.2. Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ các điều kiện không tương thích	
Điều kiện bảo quản	: Lưu trữ ở nơi tránh ánh sáng, trong thùng kín
Nhiệt độ lưu trữ	: 2 - 30 °C
Vật liệu đóng gói	: Nhựa, Thủy tinh.
7.3. Sử dụng cụ thể	
Không có thêm thông tin	

MKTTn BROTH (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo QUY ĐỊNH (EC) số 1907/2006 (REACH) – Phụ lục II

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1. Các thông số kiểm soát		
Calcium carbonate (471-34-1)		
Pháp	Tên thông thường	Calcium (carbonate de)
Pháp	VME (mg/m³)	10 mg/m³
8.2. Kiểm soát phơi nhiễm		
Biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp		
Vật liệu quần áo bảo hộ		
Bảo vệ tay		
Bảo vệ mắt		
Bảo vệ da và cơ thể		
Bảo vệ hô hấp		

PHẦN 9: Các tính chất vật lý và hóa học

9.1. Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học	
Hình thể	: Rắn
Dạng	: Bột.
Màu sắc	: trắng kem
Mùi	: Không có thông tin
Ngưỡng của mùi	: Không có thông tin
pH	: Không có thông tin
Tốc độ bay hơi (butylacetate=1)	: Không có thông tin
Điểm nóng chảy	: Không có thông tin
Điểm đóng băng	: Không có thông tin
Điểm sôi	: Không có thông tin
Flash point	: Không có thông tin
Tỷ lệ hóa hơi	: Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	: Không có thông tin
Khả năng bắt chấ(chất rắn, khí)	: Không có thông tin
Áp suất hơi	: Không có thông tin
Mật độ hơi tại 20 °C	: Không có thông tin
Mật độ tương đối	: Không có thông tin
Độ hòa tan	: Hòa tan trong nước.
Log Pow	: Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	: Không có thông tin
Độ nhớt , động năng	: Không có thông tin
Đặc tính cháy nổ	: Không có thông tin
Tính oxy hóa	: Không có thông tin
Giới hạn gây nổ	: Không có thông tin
	:

9.2. Thông tin khác	
Không có thêm thông tin	
PHẦN 10: Tính ổn định và tính phản ứng	
10.1. Khả năng phản ứng	
Không có thêm thông tin	
10.2. Tính ổn định hóa học	
Ổn định trong điều kiện bình thường..	
10.3. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	
Không có thêm thông tin	
10.4. Các điều kiện cần tránh	
Độ ẩm.	

MKTTn BROTH (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo QUY ĐỊNH (EC) số 1907/2006 (REACH) – Phụ lục II

10.5. Vật liệu không tương thích
Acids. Tác nhân oxi hóa mạnh. Aluminium. Magnesium.
10.6. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm
Carbon monoxide. Carbon dioxide.

PHẦN 11: Thông tin độc học

11.1. Thông tin về ảnh hưởng độc hại	
Độc cấp tính	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Ăn mòn / kích ứng da	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Kích ứng / tổn thương mắt nghiêm trọng	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc da	: Không được phân loại Không có dữ liệu
năng gây đột biến tế bào mầm	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Khả năng gây ung thư	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Độc tính sinh sản	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm một lần)	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)	: Không được phân loại Không có dữ liệu
Nguy hiểm	: Không được phân loại Không có dữ liệu

PHẦN 12: Thông tin sinh thái học

12.1. Độc tính	
Sinh thái học cơ bản	: Không có thông tin
12.2. Tính bền vững và phân hủy	
Tính bền vững và phân hủy	Không có thông tin
12.3. Tiềm năng tích tụ sinh học	
Tiềm năng tích tụ sinh học	Không có thông tin
12.4. Tính biến đổi trong đất	
Sinh thái đất	Không có thông tin.
12.5. Kết quả đánh giá PBT và vPvB	
Không có thêm thông tin	
12.6. Các ảnh hưởng khác	
Các tác động khác	: Không có thông tin.

PHẦN 13: Các lưu ý về tiêu hủy

13.1. Phương pháp xử lý chất thải	
Khuyến cáo xử lý chất thải	: Xử lý an toàn theo đúng quy định của địa phương / quốc gia. Thiêu đốt, xử lý hoặc tái chế tại nhà cung cấp cụ thể
Sinh thái - vật liệu phế thải	: Không xả rác ra môi trường.

PHẦN 14: Thông tin vận chuyển

Phù hợp với ADR / RID / IMDG / IATA / ADN	
14.1. Số UN	
Không quy định về vận chuyển	

MKTTn BROTH (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo QUY ĐỊNH (EC) số 1907/2006 (REACH) – Phụ lục II

14.2. Tên vận chuyển thích hợp

Tên vận chuyển thích hợp (ADR)	: Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (IMDG)	: Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (IATA)	: Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (ADN)	: Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp (RID)	: Không áp dụng

14.3. Phân loại hàng nguy hiểm trong vận chuyển

ADR

Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (ADR) : Không áp dụng

IMDG

Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (IMDG): Không áp dụng

IATA

Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (IATA) : Không áp dụng

ADN

Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (ADN) : Không áp dụng

RID

Phân loại hàng nguy hiểm khi vận chuyển (RID) : Không áp dụng

14.4. Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói (ADR)	: Không áp dụng
Nhóm đóng gói (IMDG)	: Không áp dụng
Nhóm đóng gói (IATA)	: Không áp dụng
Nhóm đóng gói (ADN)	: Không áp dụng
Nhóm đóng gói (RID)	: Không áp dụng

14.5. Môi trường độc hại

Nguy hiểm cho môi trường	: Không
Ô nhiễm môi trường biển	: Không
Thông tin khác	: Không có thông tin bổ sung

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

- Vận tải đường bộ

Không có thông tin

- Vận tải đường biển

- Không có thông tin

- Vận tải đường hàng không

Không có thông tin

- Vận tải đường thủy nội địa

Vận tải bị cấm (ADN) : Không

Không tuân theo ADN : Không

- Vận tải đường sắt

Vận tải bị cấm (RID) : Không

14.7. Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không áp dụng

PHẦN 15: Thông tin pháp luật

15.1. Các quy định / luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho chất hoặc hỗn hợp

15.1.1. Các quy định của EU

Không chứa các chất trong Phụ lục hạn chế XVII, Quy định REACH substances

Không chứa các chất trong danh mục REACH candidate

Không chứa các chất trong phụ lục XIV, quy định REACH

15.1.2. Các quy định của Quốc gia

MKTTn BROTH (BASE)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Theo QUY ĐỊNH (EC) số 1907/2006 (REACH) – Phụ lục II

Không có thông tin thêm

15.2 Đánh giá an toàn hóa chất

Không có đánh giá an toàn hóa chất nào được thực hiện

SECTION 16: Other information

Full text of H- and EUH-statements:

Độc cấp tính. 4 (Uống)	Độc tính cấp (uống), Nhóm 4
Kích ứng mắt. 2	Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt, Nhóm 2
Kích ứng da. 2	Ăn mòn / kích ứng da, Loại 2
Skin Sens. 1	Nhạy cảm - Da, loại 1
H302	Có hại nếu nuốt phải
H315	Gây kích ứng da
H317	Có thể gây ra phản ứng dị ứng da
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi, nhằm mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm